

Vạn Mỹ, ngày ... tháng ... năm 2024

CÔNG KHAI
ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC
(Theo Điều 8, Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT)

1. Thông tin về đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên:

- Tổng số 55, trong đó:

+ CBQL: 03 (03 CBQL đạt trình độ Thạc sĩ).

+ GV: 50 (Biên chế: 48; Hợp đồng theo nghị định 111: 01; Hợp đồng trường: 01).

Trình độ GV: Đại học: 49, đạt 98%; Cao Đẳng: 01, chiếm 0,02%

+ Nhân viên: 02 (Biên chế: 02; Hợp đồng: 0)

1.1. Số lượng CBQL, giáo viên và nhân viên chia theo nhóm vị trí việc làm và trình độ được đào tạo:

a). Cán bộ quản lý:

TT	Chức vụ	Số lượng		Đăng viên	Biên chế	Hợp đồng	Trình độ chuyên môn				Chính trị	
		Tổng	Nữ				>ĐH	ĐH	CĐ	Khác	TC	SC
01	Hiệu trưởng	1		1	2		1				1	
02	P. Hiệu trưởng	2	2	2	2		2				2	

b) Giáo viên

TT	Môn	Số lượng		Đăng viên	Biên chế	Hợp đồng	Trình độ chuyên môn				Chính trị	
		Tổng	Nữ				>ĐH	ĐH	CĐ	Khác	TC	SC
01	Văn hóa	39	38	25	37	02		38	1		1	24
02	Tiếng Anh	3	3	1	3							
03	Âm nhạc	2		2	2							
04	Mỹ thuật	2	1	1	2							
05	Thể dục	1			1							
06	Tin học	1	1		1							

c) Nhân viên:



TT	Môn	Số lượng		Đăng viên	Biên chế	Hợp đồng	Trình độ chuyên môn				Chính trị	
		Tổng	Nữ				>ĐH	ĐH	CĐ	Khác	TC	SC
01	Kế toán	1	1	1	1			1				1
02	Thủ Quỹ	1	1									
03	Văn thư	1	1									
04	Thiết bị -TV	1	1	1	1							1
04	Lao công	3	3									
05	Bảo vệ	2										
06	Nhân viên bếp	8	8									

1.2. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, CBQL đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định:

- CBQL: 3/3 vượt chuẩn theo Luật Giáo dục 2019, đạt 100%

- GV: Đạt chuẩn 49/50, đạt 98%

1.3. Số lượng, tỷ lệ giáo viên cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định:

- Cán bộ quản lý 3/3 Hoàn thành Bồi dưỡng, đạt 100%

- Giáo viên 50 Hoàn thành bồi dưỡng, đạt 100%

2. Thông tin về cơ sở vật chất và tài liệu học tập sử dụng chung:

a) Diện tích khu đất xây dựng trường, điểm trường, diện tích bình quân tối thiểu cho một học sinh; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

- Diện tích khu đất xây dựng trường 4.123m. Điểm trường: 01

- Diện tích Bình quân tối thiểu cho một học sinh: 1,45m²; chưa đạt yêu cầu.

b) Số lượng, hạng mục khối phòng hành chính quản trị; khối phòng học tập; khối phòng hỗ trợ học tập; khối phụ trợ; khu sân chơi, thể dục thể thao; khối phục vụ sinh hoạt; hạ tầng kỹ thuật; đối sánh yêu cầu tối thiểu theo quy định:

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học/số lớp	31	1
II	Loại phòng học		
1	Phòng học kiên cố	31	
2	Phòng học bán kiên cố		
3	Phòng học tạm		
4	Phòng học nhờ, mượn		
III	Số điểm trường lẻ		
IV	Tổng diện tích đất (m²)	4.123	
V	Diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	1.000	

VI	Tổng diện tích các phòng	2.107,6	
1	Diện tích phòng học (m ²)	49,4	1,45
2	Diện tích thư viện (m ²)	58,6	
3	Diện tích phòng giáo dục thể chất hoặc nhà đa năng (m ²)	283	
4	Diện tích phòng âm nhạc (m ²)	68	2
5	Diện tích phòng mỹ thuật (m ²)		
6	Diện tích phòng khoa học-công nghệ (m ²)	0	
7	Diện tích phòng ngoại ngữ (m ²)	54	1,6
8	Diện tích phòng học tin học (m ²)	54	1,6
9	Diện tích phòng thiết bị GD (m ²)	0	
10	Diện tích phòng hỗ trợ giáo dục HS khuyết tật học hòa nhập (m ²)	0	
11	Diện tích phòng truyền thống và hoạt động Đội (m ²)	58,6	

c) Số thiết bị hiện có; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định:

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	31	1
1.1	Khối lớp 1	6	1
1.2	Khối lớp 2	6	1
1.3	Khối lớp 3	5	1
1.4	Khối lớp 4	6	1
1.5	Khối lớp 5	8	1
2.	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định	0	
2.1	Khối lớp 1	0	
2.2	Khối lớp 2	0	
2.3	Khối lớp 3	0	
2.4	Khối lớp 4	0	
2.5	Khối lớp 5	0	
3.	Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	50	
4.	TS thiết bị dùng chung khác		
4.1	Ti vi	34	1
4.2	Cát xét	7	
4.3	Đầu Video/đầu đĩa	0	
4.4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	31	1

d) Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; danh mục, số lượng xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu đã được cơ sở giáo dục lựa chọn, sử dụng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

*** Danh mục SGK đã được lựa chọn Sách Giáo khoa từ lớp 1 đến lớp 5 năm học 2024- 2025**

- Đường link 1: <https://thquangtrungngoquyen.haiphong.edu.vn/cong-khai-dieu-kien-bao-dam-chat-luong-giao-duc/danh-muc-sach-giao-khoa/vbct/27980/286497>

- Phụ lục 1:

*** Danh mục và số lượng xuất bản phẩm tham khảo từ khối 1 đến khối 5 năm học 2024-2025**

- Đường link 2: <https://thquangtrungngoquyen.haiphong.edu.vn/cong-khai-dieu-kien-bao-dam-chat-luong-giao-duc/danh-muc-xuat-ban-pham-tham-khao/vbct/27980/286499>

- Phụ lục 2:

3. Thông tin về kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục:

a) Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục; Kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá.

Trường tự đánh giá theo hướng dẫn thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT, ngày 22/8/2018 về Ban hành quy định kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận chuẩn Quốc gia đối với các trường Tiểu học.

- Kế hoạch tự đánh giá số 38/KH-THQT, ngày 25, tháng 10 năm 2024 của nhà trường.

+ Đường link 3: <https://thquangtrungngoquyen.haiphong.edu.vn/cong-khai-dieu-kien-bao-dam-chat-luong-giao-duc/ke-hoach-tu-danh-gia/vbct/27980/286501>

+ Phụ lục 3:

b) Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của cơ sở giáo dục qua các mốc thời gian; kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm và hằng năm.

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả tự đánh giá			Ghi chú Ngắn gọn các tiêu chí chưa đạt	
	Chưa đạt	Đạt			
		Mức 1	Mức 2	Mức 3	
Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường					
Tiêu chuẩn 1.					
Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường			X		
Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác.				X	

Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường.				X	
Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng.				X	
Tiêu chí 1.5: Khối lớp và tổ chức lớp học.				X	
Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản.			X		
Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên.			X		
Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục.				X	
Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.				X	
Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học.				X	
Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh.					
Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng				X	
Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên				X	
Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên				X	
Tiêu chí 2.4: Đối với học sinh				X	
Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học					
Tiêu chí 3.1: Khuôn viên, sân chơi, sân tập.				X	
Tiêu chí 3.2: Phòng học.			X		
Tiêu chí 3.3: Khối phòng phục vụ học tập và khối phòng hành chính - quản trị.			X		
Tiêu chí 3.4: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước.				X	
Tiêu chí 3.5: Thiết bị			X		
Tiêu chí 3.6: Thư viện			X		
Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội					
Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ học sinh				X	
Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường			X		
Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục					
Tiêu chí 5.1: Kế hoạch giáo dục của nhà trường				X	

Tiêu chí 5.2: Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học				X	
Tiêu chí 5.3: Thực hiện các hoạt động giáo dục khác				X	
Tiêu chí 5.4: Công tác phổ cập giáo dục tiểu học				X	
Tiêu chí 5.5: Kết quả giáo dục				X	

4. Cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục của nước ngoài hoặc chương trình giáo dục tích hợp thực hiện công khai thêm các nội dung sau đây:

- a) Tên chương trình, quốc gia cung cấp chương trình, thông tin chi tiết về đối tác thực hiện liên kết giáo dục để dạy chương trình giáo dục tích hợp;
- b) Tên cơ quan, tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục hoặc cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài công nhận về chất lượng giáo dục;
- c) Ngôn ngữ thực hiện các hoạt động giáo dục.

Nơi nhận:

- Ban chỉ đạo (chỉ đạo);
- Trang TTĐT (để công khai);
- VB, Gv, NV (thực hiện);
- Lưu: Hồ sơ công khai.

HIỆU TRƯỞNG



Phạm Văn Tuấn